

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: **47/2018/HSST**

Ngày: 26/6/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Minh – Giám đốc Trung tâm Văn hóa- Thể thao huyện Tuy Phong

2. Ông Ngô Anh Tuấn - Ủy viên Ban thường trực Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Tuy Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2018/HSST, ngày 21/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/HSST – QĐ ngày 12/6/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Ngọc L**, sinh năm 1991; Nơi sinh: huyện T, tỉnh B; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: thôn H, xã M, huyện T, tỉnh B; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Tiền án, tiền sự: Không; Cha: Trần N và mẹ: Bùi Thị N; Anh, chị em ruột: có 02 người; Chồng: Lại Văn L đã ly hôn; con: có 02 người. Bị cáo bị bắt từ ngày 27/3/2018; có mặt.

Người bị hại: Bà Bùi Thị Loan B, sinh năm 1974; trú tại: thôn H, xã M, huyện T, tỉnh B. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trương Thị N, sinh năm 1987; Trú tại: Khu phố X, phường A, thị xã L, tỉnh B. Có mặt.

Người làm chứng:

Nguyễn Thị A, sinh năm 1959; Trú tại: thôn L, xã P, huyện B, tỉnh B. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1991 là hàng xóm láng giềng và quen biết với bà Bùi Thị Loan B đều trú tại thôn H, xã M, huyện T, tỉnh B. Biết bà Bùi Thị Loan B có nhu cầu vay vốn để kinh doanh ở thành phố Phan Thiết nên L nói có mối quan hệ quen biết với cán bộ ngân hàng và yêu cầu bà B đưa tiền chung chi cho cán bộ ngân hàng để được xét duyệt hồ sơ vay tiền. L tự đặt ra thông tin mỗi xuất được vay 70.000.000 đồng với lãi suất thấp, B đồng ý nhờ L làm hồ sơ để vay 04 xuất với số tiền là 280.000.000 đồng. L yêu cầu B pho to giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của 04 thành viên trong gia đình để làm thủ tục và yêu cầu B đưa tiền để chung chi cho cán bộ ngân hàng làm hồ sơ vay vốn. Vì tin tưởng L nên B nhiều lần chuyển khoản và đưa tiền trực tiếp cho L để chung chi cho cán bộ ngân hàng. Tính từ ngày 27/7/2017 đến 24/10/2017 B đã đưa cho L tổng số tiền là 155.500.000 đồng bằng chuyển khoản và đưa tiền mặt. Cụ thể:

Bùi Thị Loan B chuyển khoản cho Trần Thị Ngọc L tổng cộng 18 lần với số tiền 135.500.000 đồng thông qua số tài khoản 0109543868 mang tên Trương Thị N mở tại Ngân hàng Đông Á. Khi chuyển tiền qua tài khoản thì có 09 lần chuyển tiền B lấy tên người gửi là Bùi Thị Loan B, 09 lần chuyển tiền lấy tên Trần Thị Ngọc L theo yêu cầu của L. Lần chuyển khoản số tiền thấp nhất là 1.000.000 đồng, số tiền cao nhất là 50.000.000 đồng, trong đó 10 lần chuyển tiền tại Sacombank chi nhánh M, T, 05 lần chuyển tiền tại Agribank chi nhánh X, T và 01 lần chuyển tiền tại Ngân hàng Đông Á chi nhánh Phan Thiết. Ngoài ra B đưa tiền mặt trực tiếp cho L với số tiền 20.000.000 đồng tại nhà của Nguyễn Thị A, sinh năm 1959 tại thôn L, xã P, huyện B. Toàn bộ số tiền 155.500.000 đồng B đưa cho L đều nhằm mục đích chung chi cho cán bộ ngân hàng để xét duyệt hồ sơ vay vốn. Tuy nhiên, Trần Thị Ngọc L không làm hồ sơ vay tiền, không quen biết cũng như không chung chi cho cán bộ ngân hàng mà chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên để sử dụng vào mục đích cá nhân, đến nay toàn bộ số tiền chiếm đoạt L đã rút ra và sử dụng hết.

Ngoài ra vào khoảng tháng 8/2017, Trần Thị Ngọc L thấy Bùi Thị Loan B đang sử dụng một chiếc điện thoại di động hiệu Samsung GalaxJ7 Prime G610 Pink nên L hỏi mượn điện thoại để sử dụng thì B đồng ý cho L mượn. L mượn điện thoại sử dụng một thời gian thì nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của B, L mang đi cầm cố tại một cửa hiệu cầm đồ (L không nhớ tên và địa chỉ) tại thành phố Phan Thiết để lấy số tiền 1.500.000 đồng tiêu xài cá nhân, giấy biên nhận cầm đồ L khai đã làm mất. Bà B nhiều lần đòi lại chiếc điện thoại thì L hứa sẽ đi chuộc lại điện thoại cho B nhưng không có để trả, đến nay vẫn không thu hồi được.

Tại biên bản và kết luận định giá tài sản số 04/KL –HĐĐG ngày 12/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tuy Phong kết luận: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung GalaxJ7 Prime G610 Pink tại thời điểm bị mất chưa thu hồi được trị giá: 5.990.000 đồng/ chiếc x 95% = 5.690.500 đồng.

Quá trình điều tra Trần Thị Ngọc L đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng số 38/CT-VKS-TP ngày 21/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm e khoản 2 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm g khoản 1 điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc L từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc L từ 6 đến 9 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai tội từ 30 đến 39 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2018.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 điều 47, khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 357, 584, 586, 589 Bộ Luật dân sự năm 2015 Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại Bùi Thị Loan B số tiền 154.190.500đ

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra – Công an huyện Tuy Phong, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Thị Ngọc L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 38/CTVKS-TP, ngày 21/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện đúng sự thật, bị cáo không bị bức cung và Cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: đây là vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản do Trần Thị Ngọc L thực hiện. Do có ý định chiếm đoạt tài sản của Bùi Thị Loan B nên L nói dối với B là L quen biết với cán bộ ngân hàng và hứa sẽ giúp B làm hồ sơ vay vốn ngân hàng cho B với số tiền 280.000.000đ lãi suất thấp, B đồng ý đưa giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình để L làm thủ tục vay tiền. Từ ngày 27/7/2017 đến ngày 24/10/2017 L yêu cầu Bùi Thị Loan B nhiều lần đưa cho Trần Thị Ngọc L số tiền 155.500.000 đồng để chung chi cho cán bộ ngân hàng làm hồ sơ vay vốn, trong đó chuyển khoản cho L vào số tài khoản ngân hàng 0109543868 mang tên Trương Thị N tổng cộng 18 lần với tổng số tiền là 135.500.000 đồng và đưa tiền mặt là 20.000.000 đồng nhưng thực tế Trần Thị Ngọc L không giúp cho B làm hồ sơ vay vốn, không quen biết và không có việc chung chi cho cán bộ ngân hàng mà L tự rút tiền ra để sử dụng mục đích cá nhân. Ngoài ra vào khoảng tháng 8/2017, tại nhà B ở thôn H, xã M, L lợi dụng sự tin tưởng của B đã chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Samsung GalaxJ7 Prime G6 Pink trị giá 5.690.500 đồng đem cầm cố lấy tiền sử dụng cá nhân.

Do đó, cáo trạng số 38/CT-VKS-TP ngày 21/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong truy tố bị cáo Trần Thị Ngọc L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Trần Thị Ngọc L là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận biết được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam bị cáo đã chủ động lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để chiếm đoạt số tiền 155.500.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung GalaxJ7 Prime G6 Pink để sử dụng cho mục đích cá nhân. Hành vi phạm

tội nêu trên của bị cáo đã xâm hại đến tài sản của người khác gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục tội phạm chung, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Thị Ngọc L đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản 18 lần, trong đó có 16 lần chiếm đoạt số tiền trên 2.000.000 đồng, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, quá trình điều tra bị cáo L đã khai báo thành khẩn và tự nguyện bồi thường số tiền 7.000.000đ cho người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, cần xem xét, chiếu cố khi xử lý giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng: điểm e khoản 2 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm g khoản 1 điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc L từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc L từ 6 đến 9 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai tội từ 30 đến 39 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2018.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong về việc áp dụng pháp luật, mức hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 điều 47, khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 357, 584, 586, 589 Bộ Luật dân sự năm 2015 Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại Bùi Thị Loan B số tiền 154.190.500đ

Người bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 148.500.000 đồng chiếm đoạt và giá trị của chiếc điện thoại di động hiệu Samsung GalaxJ7 Prime G610 Pink với số tiền 5.690.500đồng như Hội đồng định giá đã định,tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 154.190.500đ, yêu cầu của bị hại phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong nên chấp nhận

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: bị cáo Trần Thị Ngọc L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm e khoản 2 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm g khoản 1 điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc L 30(Ba mươi) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc L 6 (Sáu) tháng tù về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành chung cho cả hai tội là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/3/2018.

[2]Về dân sự:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 điều 47, khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 357, 584,586,589 Bộ Luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Bùi Thị Loan B tổng số tiền 154.190.500đ (Một trăm năm mươi bốn triệu một trăm chín mươi ngàn năm trăm đồng)

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

* Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

* Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm.

* Trường hợp pháp luật có quy định khác (nếu có)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.709.500đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Bị cáo, bị hại;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Thu Trang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Bị cáo, bị hại;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Thu Trang